

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG IDICO**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG IDICO**

Km 1906+700, Quốc lộ 1A, khu phố 5, phường Bình Hưng Hòa B,  
quận Bình Tân, TP Hồ Chí Minh

---

**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	9
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 33

# **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG IDICO**

Km 1906+700, Quốc lộ 1A, khu phố 5, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, TP Hồ Chí Minh

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Hạ tầng IDICO trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được chuyển đổi từ Công ty TNHH BOT An Sương - An Lạc. Công ty hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 4103008732 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12/12/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 06 ngày 07/8/2020. Mã số doanh nghiệp được thay đổi thành 0302095576.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: IDICO INFRASTRUCTURE DEVELOPMENT INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên Công ty viết tắt là: IDICO - IDI. JSC

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4103008732 thay đổi lần thứ 06 ngày 07/8/2020 là: 249.492.000.000 VND (*Bằng chữ: Hai trăm bốn mươi chín tỷ, bốn trăm chín mươi hai triệu đồng*).

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết trên sàn HOSE với mã chứng khoán HTI.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Km 1906+700, Quốc lộ 1A, khu phố 5, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong suốt kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Hồng Hải	Chủ tịch
Ông Lê Quốc Đạt	Thành viên
Ông Nguyễn Anh Dũng	Thành viên
Ông Khương Quốc Bình	Thành viên
Ông Trần Quốc Toàn	Thành viên độc lập (Bỏ nhiệm từ ngày 27/4/2021)
Bà Trần Thúy Hương	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 27/4/2021)
Ông Nguyễn Vũ Minh Hồng	Thành viên độc lập (Miễn nhiệm từ ngày 27/4/2021)

#### **Ban kiểm soát**

Ông Nguyễn Văn Thọ	Trưởng ban
Ông Nguyễn Đăng Thanh	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Minh Phương	Thành viên

#### **Ban Giám đốc**

Ông Lê Quốc Đạt	Giám đốc
Ông Bùi Văn Dân	Phó Giám đốc
Ông Khương Quốc Bình	Phó Giám đốc
Ông Đoàn Văn Hùng	Phó Giám đốc



# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG IDICO

Km 1906+700, Quốc lộ 1A, khu phố 5, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, TP Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

### CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



**Lê Quốc Đạt**  
Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 3 năm 2022



Số: 72/2022/BCKT-CPA VIETNAM - HCM

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các Cổ đông**  
**Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Hạ tầng IDICO**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Hạ tầng IDICO được lập ngày 07/3/2022, từ trang 06 đến trang 33, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



A large, stylized blue handwritten signature.

---

**Bùi Thị Thúy****Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0580-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 04/2022/UQ-CPA VIETNAM ngày 03/01/2022 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM****Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 07 tháng 3 năm 2022

---

**Lưu Minh Tới****Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3920-2022-137-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31/12/2021

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110+120+130)	<b>100</b>		<b>31.726.120.049</b>	<b>77.861.705.928</b>
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	19.958.216.031	70.664.029.094
1. Tiền	111		19.958.216.031	11.259.388.094
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	59.404.641.000
<b>III- Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>9.411.265.550</b>	<b>6.942.327.749</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	7.350.355.270	4.437.006.269
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.251.076.837	639.402.684
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	1.554.261.604	2.610.346.957
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	5.4	(744.428.161)	(744.428.161)
<b>IV- Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.5</b>	<b>2.356.638.468</b>	<b>255.349.085</b>
1. Hàng tồn kho	141		2.356.638.468	255.349.085
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 210+220+240+250+260)	<b>200</b>		<b>1.524.311.576.452</b>	<b>1.580.526.462.198</b>
<b>I Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>9.570.048</b>	<b>11.484.057</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.3	9.570.048	11.484.057
<b>II Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.364.467.044.728</b>	<b>1.430.978.985.106</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	1.364.467.044.728	1.430.978.985.106
- Nguyên giá	222		2.557.351.867.923	2.556.488.879.893
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.192.884.823.195)	(1.125.509.894.787)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.7	-	-
- Nguyên giá	228		915.724.800	915.724.800
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(915.724.800)	(915.724.800)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>150.139.289.638</b>	<b>139.745.224.505</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.8	150.139.289.638	139.745.224.505
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>VI Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>9.695.672.038</b>	<b>9.790.768.530</b>
1. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	5.9	9.695.672.038	9.790.768.530
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100+200)	<b>270</b>		<b>1.556.037.696.501</b>	<b>1.658.388.168.126</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
Tại ngày 31/12/2021

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
<b>C- NỢ PHẢI TRẢ</b> (300 = 310+330)	<b>300</b>		<b>1.093.664.784.575</b>	<b>1.204.827.633.865</b>
<b>I- Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>137.544.064.822</b>	<b>132.649.061.543</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	11.316.683.224	18.490.964.478
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		4.252.000	2.400.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11	3.389.924.796	4.178.916.648
4. Phải trả người lao động	314		1.736.460.712	1.804.730.113
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		1.742.619.454	1.891.074.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.12	2.657.186.652	26.696.974.181
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.14	112.377.000.000	77.368.000.000
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	5.13	1.778.922.726	-
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		2.541.015.258	2.216.002.123
<b>II- Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>956.120.719.753</b>	<b>1.072.178.572.322</b>
1. Vay và nợ và thuê tài chính dài hạn	338	5.14	763.986.201.706	876.363.201.706
2. Dự phòng phải trả dài hạn	342	5.13	192.134.518.047	195.815.370.616
<b>D- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b> (400 = 410)	<b>400</b>		<b>462.372.911.926</b>	<b>453.560.534.261</b>
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.15</b>	<b>462.372.911.926</b>	<b>453.560.534.261</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		249.492.000.000	249.492.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		249.492.000.000	249.492.000.000
1. Quỹ đầu tư phát triển	418		164.586.458.199	164.586.458.199
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		48.294.453.727	39.482.076.062
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kì trước	421a		12.108.637.927	3.823.338.240
- LNST chưa phân phối kì này	421b		36.185.815.800	35.658.737.822
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440 = 300+400)	<b>440</b>		<b>1.556.037.696.501</b>	<b>1.658.388.168.126</b>

Người lập biểu



Nguyễn Thị Loan

Kế toán trưởng



Nguyễn Trường Vũ

Giám đốc



Lê Quốc Đạt



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	333.910.799.993	375.164.040.890
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	6.1	333.910.799.993	375.164.040.890
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	162.639.329.714	156.416.579.954
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		171.271.470.279	218.747.460.936
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	871.543.571	3.060.874.898
7. Chi phí tài chính	22	6.4	88.526.801.965	102.440.761.745
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		88.526.801.965	102.440.761.745
8. Chi phí bán hàng	25	6.5	31.359.314.655	36.285.705.944
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	7.300.944.661	8.714.374.458
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		44.955.952.569	74.367.493.687
11. Thu nhập khác	31	6.7	123.953.324	217.710.605
12. Chi phí khác	32	6.7	41.997.989	11.348.384
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		81.955.335	206.362.221
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		45.037.907.904	74.573.855.908
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	8.756.995.612	13.598.100.387
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	6.9	95.096.492	367.817.699
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		36.185.815.800	60.607.937.822
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.10	1.450	2.332

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 3 năm 2022

Người lập biểu



Nguyễn Thị Loan

Kế toán trưởng



Nguyễn Trường Vũ

Giám đốc



Lê Quốc Đạt



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		45.037.907.904	74.573.855.908
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02		67.644.928.408	82.031.643.235
- Các khoản dự phòng	03		(1.901.929.843)	(7.356.353.976)
- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(946.089.026)	(3.060.874.898)
- Chi phí lãi vay	06		88.526.801.965	102.440.761.745
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08		198.361.619.408	248.629.032.014
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(2.467.023.792)	2.640.887.884
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(2.101.289.383)	(2.751.588)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(7.183.270.326)	10.545.215.016
- Tiền lãi vay đã trả	14		(88.526.801.965)	(102.440.761.745)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(9.681.537.221)	(14.114.935.143)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(2.099.225.000)	(11.812.024.392)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		86.302.471.721	133.444.662.046
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(11.312.631.010)	(17.899.184.046)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		404.545.455	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		871.543.571	3.060.874.898
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(10.036.541.984)	(14.838.309.148)
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33		7.050.505.254	-
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(84.418.505.254)	(94.552.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(49.603.742.800)	(54.831.729.380)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(126.971.742.800)	(149.383.729.380)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(50.705.813.063)	(30.777.376.482)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		70.664.029.094	101.441.405.576
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	5.1	19.958.216.031	70.664.029.094

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 3 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Thị Loan



Nguyễn Trường Vũ



Lê Quốc Đạt



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

### **1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Hạ tầng IDICO được chuyển đổi từ Công ty TNHH BOT An Sương - An Lạc. Công ty hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 4103008732 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12/12/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 07/8/2020. Mã số doanh nghiệp được thay đổi thành 0302095576.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: IDICO INFRASTRUCTURE DEVELOPMENT INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY.

Tên Công ty viết tắt là: IDICO - IDI. JSC.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 06 ngày 07/8/2020 là 249.492.000.000 VND. (Bằng chữ: Hai trăm bốn mươi chín tỷ, bốn trăm chín mươi hai triệu đồng).

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết trên sàn HOSE với mã HTI.

Trụ sở chính của Công ty tại Km 1906+700, Quốc lộ 1A, Khu phố 5, phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số lao động của Công ty tại ngày 31/12/2021 là 201 người (tại ngày 31/12/2020 là 211 người).

#### **1.2 Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là Đầu tư các dự án BOT giao thông và Xây dựng công trình.

#### **1.3 Ngành nghề kinh doanh**

Ngành nghề kinh doanh theo đăng ký kinh doanh: Xây dựng công trình dân dụng, giao thông, thủy lợi; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình công ích; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế; Kinh doanh bất động sản; Sản xuất, lắp đặt, mua bán thiết bị ngành giao thông (không sản xuất tại trụ sở); Xây dựng nhà các loại; Thu gom rác không độc hại.

**Hoạt động chính của Công ty trong năm:** Thu phí sử dụng đường bộ theo hợp đồng BOT số 3599/HĐ/GTVT/KHĐT ngày 27/11/2003, Phụ lục hợp đồng số 3979/2011/PLHD-B.O.T ngày 01/9/2011 có thời gian thu phí hoàn vốn 192 tháng (từ tháng 2/2017 đến hết tháng 1 năm 2033) (Giai đoạn 2) và Phụ lục Hợp đồng số 23969/2014/PLHD-B.O.T ngày 22/9/2014 có thời gian thu phí hoàn vốn 217 tháng tính từ thời điểm bắt đầu điều chỉnh giá vé thu phí của Dự án BOT từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/01/2033 (Giai đoạn 3), thi công xây lắp công trình dân dụng, giao thông và đầu tư các dự án hạ tầng giao thông.

#### **1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**1.5 Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 31/12/2021, Công ty có đơn vị trực thuộc là Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Hạ tầng IDICO - Xí nghiệp Xây dựng IDICO - IDI.

Địa chỉ: 560A Quốc lộ 1A, Khu phố 6 - phường Bình Hưng Hòa B - quận Bình Tân - TP Hồ Chí Minh.

Ngành nghề kinh doanh: Xây dựng.

**1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

**2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

**Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2012/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

### **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

#### **Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn)

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

#### **Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc có dấu hiệu khó đòi do khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

#### **Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá xuất hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

#### **Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

### **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

#### **Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình (Tiếp theo)**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	12-20
Máy móc, thiết bị	06-10
Phương tiện vận tải	06-08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04

Đối với tài sản cố định hình thành từ Dự án đầu tư B.O.T An Sương - An Lạc được khấu hao trong thời gian kể từ khi công trình, hạng mục công trình đưa vào thu phí tới hết thời gian thu phí. Do đặc thù hoạt động, Công ty được trích khấu hao tài sản hình thành từ dự án B.O.T An Sương - An Lạc theo phương pháp phân bổ chi phí khấu hao tương ứng với doanh thu hàng năm, phù hợp với thời gian khai thác thu phí hoàn vốn của dự án và được thực hiện bắt đầu từ năm 2009 theo Công văn 390/BTC-TCDN ngày 08/01/2010 của Bộ Tài chính đến tháng 01/2017. Các hạng mục bổ sung của Dự án đầu tư B.O.T An Sương - An Lạc là Cầu vượt Hương lộ 2 và Cầu vượt Tỉnh lộ 10 – Tỉnh lộ 10B cũng được khấu hao theo Phương pháp phân bổ chi phí khấu hao tương ứng với doanh thu hàng năm theo tỷ lệ được quy định trong Phụ lục Hợp đồng B.O.T.

Tài sản cố định vô hình là phần mềm quản lý thu phí, quản lý doanh nghiệp được ghi nhận cơ sở giá gốc, khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian là 07 năm.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### **Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

#### **Tài sản thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại là thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được hoàn lại trong tương lai tính trên các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại: Được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán. Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm mà tài sản được thu hồi dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

### **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

#### **Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

#### **Nguyên tắc ghi nhận vay**

Bao gồm các khoản tiền vay, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán chi phí đi vay.

#### **Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

#### **Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

#### **Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh từ hoạt động thu phí sử dụng đường bộ được ghi nhận khi hoàn thành dịch vụ thu phí (thu tiền từ khách hàng).

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

**Doanh thu xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phân công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

### **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

#### **Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh trong năm theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

#### **Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong năm chủ yếu là chi phí đi vay vốn.

#### **Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong kỳ; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền..

#### **Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

#### **Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động chủ yếu lĩnh vực kinh doanh là thu cước đường bộ, doanh thu bộ phận từ hoạt động xây lắp cung cấp ra ngoài chiếm dưới 10% trên tổng doanh thu của tất cả bộ phận và hoạt động theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Do đó, Công ty không có nghĩa vụ phải trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	5.905.559.461	4.293.451.224
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	14.052.656.570	6.965.936.870
Các khoản tương đương tiền	-	59.404.641.000
<b>Tổng</b>	<b>19.958.216.031</b>	<b>70.664.029.094</b>

**5.2 Phải thu của khách hàng**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển đô thị Ngọc Viễn	4.273.236.269	4.273.236.269
Công ty TNHH TM DV và Xây dựng Thiên Vũ	2.783.839.001	-
Phải thu khách hàng khác	293.280.000	163.770.000
<b>Tổng</b>	<b>7.350.355.270</b>	<b>4.437.006.269</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TÀNG IDICO**

Km 1906+700, Quốc lộ 1A, Khu phố 5,

phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân, TP. HCM

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**5.3 Phải thu khác**

	Tại ngày 31/12/2021(VND)		Tại ngày 01/01/2021(VND)	
	Giá trị ghi số	Dự phòng	Giá trị ghi số	Dự phòng
a) Ngắn hạn	1.554.261.604	667.359.558	2.610.346.957	667.359.558
Tạm ứng	298.075.549	-	1.353.955.417	-
Ký cược ký quỹ	149.766.008	-	149.766.008	-
Bồi thường giải phóng mặt bằng Tân Kỳ Tân Quý	390.000.000	-	390.000.000	-
Phải thu khác	716.420.047	667.359.558	716.625.532	667.359.558
b) Dài hạn	9.570.048	-	11.484.057	-
Ký cược, ký quỹ	9.570.048	-	11.484.057	-
<b>Tổng</b>	<b>1.563.831.652</b>	<b>667.359.558</b>	<b>2.621.831.014</b>	<b>667.359.558</b>

**5.4 Nợ xấu**

	Tại ngày 31/12/2021(VND)		Tại ngày 01/01/2021(VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Ông Ngô Văn Quang	116.574.900	-	116.574.900	-
Ông Trương Bá Tông	325.977.668	-	325.977.668	-
Nợ xấu của các đối tượng khác	301.875.593	-	301.875.593	-
<b>Tổng</b>	<b>744.428.161</b>	<b>-</b>	<b>744.428.161</b>	<b>-</b>
<b>Trong đó:</b>	<b>Quá hạn 1-6 tháng</b>	<b>Quá hạn 6-1 năm</b>	<b>Quá hạn 1-3 năm</b>	<b>Quá hạn trên 3 năm</b>
Ông Ngô Văn Quang	-	-	-	116.574.900
Ông Trương Bá Tông	-	-	-	325.977.668
Nợ xấu của các đối tượng khác	-	-	-	301.875.593

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG IDICO**

Km 1906+700, Quốc lộ 1A, Khu phố 5,  
phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân, TP. HCM

Mẫu số B 09 -DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**5.5 Hàng tồn kho**

	Tại ngày 31/12/2021(VND)		Tại ngày 01/01/2021(VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	504.174.740	-	215.291.280	-
Công cụ, dụng cụ	29.350.000	-	-	-
Chi phí Sản xuất kinh doanh dở dang	1.823.113.728	-	40.057.805	-
<b>Tổng</b>	<b>2.356.638.468</b>	<b>-</b>	<b>255.349.085</b>	<b>-</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG IDICO**

Km 1906+700, Quốc lộ 1A, Khu phố 5,  
phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân, TP. HCM

Mẫu số B 09 - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**5.6 Tàng giảm tài sản cố định hữu hình**

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng
<b>NGUYỄN GIÁ</b>					
Số dư tại ngày 01/01/2021	2.525.377.814.814	17.241.654.124	12.298.474.186	1.570.936.769	2.556.488.879.893
Tăng trong năm	-	274.407.000	-	1.188.581.030	1.462.988.030
Mua trong năm	-	274.407.000	-	1.188.581.030	1.462.988.030
Giảm trong năm	-	-	600.000.000	-	600.000.000
Thanh lý nhượng bán	-	-	600.000.000	-	600.000.000
Số dư tại ngày 31/12/2021	2.525.377.814.814	17.516.061.124	11.698.474.186	2.759.517.799	2.557.351.867.923
<b>GIÁ TRỊ HAO MÓN LŨY KẾ</b>					
Số dư tại ngày 01/01/2021	1.106.442.531.439	10.054.491.825	7.762.719.595	1.250.151.928	1.125.509.894.787
Tăng trong năm	65.217.327.372	1.001.087.217	1.151.426.397	275.087.422	67.644.928.408
Khấu hao trong năm	65.217.327.372	1.001.087.217	1.151.426.397	275.087.422	67.644.928.408
Giảm trong năm	-	-	270.000.000	-	270.000.000
Thanh lý nhượng bán	-	-	270.000.000	-	270.000.000
Số dư tại ngày 31/12/2021	1.171.659.858.811	11.055.579.042	8.644.145.992	1.525.239.350	1.192.884.823.195
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 01/01/2021	1.418.935.283.375	7.187.162.299	4.535.754.591	320.784.841	1.430.978.985.106
Tại ngày 31/12/2021	1.353.717.956.003	6.460.482.082	3.054.328.194	1.234.278.449	1.364.467.044.728

Nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31/12/2021 là 797.067.825.297 VND (tại ngày 31/12/2020: 791.263.157.443 VND).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho kỳ năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**5.7 Tài sản cố định vô hình**

*Đơn vị tính: VND*

	Phần mềm máy tính	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Số dư tại ngày 01/01/2021	915.724.800	915.724.800
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2021	915.724.800	915.724.800
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Số dư tại ngày 01/01/2021	915.724.800	915.724.800
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2021	915.724.800	915.724.800
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại ngày 01/01/2021	-	-
Tại ngày 31/12/2021	-	-

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 31/12/2021 là 915.724.800 VND (tại ngày 01/01/2021 là: 915.724.800 VND).

**5.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Dự án cầu Tân Kỳ Tân Quý, TPHCM	148.717.804.267	138.478.556.548
Sửa chữa lớn tài sản cố định (duy tu)	1.421.485.371	1.266.667.957
<b>Tổng</b>	<b>150.139.289.638</b>	<b>139.745.224.505</b>

**5.9 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ - Trích dự phòng chi phí duy tu sửa chữa	9.695.672.038	9.790.768.530



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ  
PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG IDICO**

Km 1906+700, Quốc lộ 1A, Khu phố 5,  
phường Hưng Hòa B, quận Bình Tân, TP.HCM

Mẫu số B 09 - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**5.10 Phải trả người bán**

	Tại ngày 31/12/2021(VND)		Tại ngày 01/01/2021(VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Xây dựng Hạ tầng Phát triển Nhà Đô thị Việt Nam	2.694.344.807	2.694.344.807	-	-
Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Tư Thiết Mộc	1.894.227.387	1.894.227.387	649.907.152	649.907.152
Công ty TNHH XNK TM DV XD Đại Hòa Phát	1.484.780.000	1.484.780.000	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phúc Tường Vinh	-	-	10.814.524.934	10.814.524.934
Công ty TNHH TM DV và Xây dựng Thiên Vũ	-	-	2.304.633.218	2.304.633.218
Phải trả các đối tượng khác	5.243.331.030	5.243.331.030	4.721.899.174	4.721.899.174
<b>Tổng</b>	<b>11.316.683.224</b>	<b>11.316.683.224</b>	<b>18.490.964.478</b>	<b>18.490.964.478</b>

*Trong đó: Số dư phải trả người bán với bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh 7.2)*

**5.11 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số phải nộp trong năm		Số đã nộp trong năm	
	01/01/2021	31/12/2021	01/01/2021	31/12/2021
<b>Phải nộp</b>	<b>4.178.916.648</b>	<b>34.573.440.844</b>	<b>35.362.432.696</b>	<b>3.389.924.796</b>
Thuế GTGT	1.286.974.782	24.481.772.275	23.991.302.447	1.777.444.610
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.434.814.087	8.756.995.612	9.681.537.221	1.510.272.478
Thuế thu nhập cá nhân	457.127.779	1.330.672.957	1.685.593.028	102.207.708
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	4.000.000	4.000.000	-

Đơn vị tính: VND

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/6/2021

**5.12 Các khoản phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội	3.000.000	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	847.451.228	860.844.482
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	991.860.570	25.646.403.370
Các khoản phải trả, phải nộp khác	814.874.854	189.726.329
<i>Phải trả các đội thi công của Công ty</i>	<i>684.676.249</i>	<i>61.333.590</i>
<i>Phải trả phải nộp khác</i>	<i>130.198.605</i>	<i>128.392.739</i>
<b>Tổng</b>	<b>2.657.186.652</b>	<b>26.696.974.181</b>
<i>Số dư phải trả ngắn hạn khác với các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh 7.2)</i>	<i>-</i>	<i>8.732.220.000</i>

**5.13 Dự phòng phải trả ngắn hạn và dài hạn**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Chi phí duy tu bảo dưỡng các hạng mục trên tuyến	193.913.440.773	195.815.370.616
Quốc lộ 1A đoạn An Suông - An Lạc	193.913.440.773	195.815.370.616
<b>Tổng</b>	<b>193.913.440.773</b>	<b>195.815.370.616</b>

Dự phòng phải trả ngắn hạn và dài hạn trích theo dự toán chi phí sửa chữa vừa và sửa chữa lớn theo chu kỳ các hạng mục trên tuyến Quốc lộ 1A đoạn An Suông - An Lạc theo Phương án tài chính kèm theo phụ lục trong Phụ lục hợp đồng B.O.T và đánh giá của Ban Giám đốc chi phí dự kiến phát sinh.

Số dư khoản dự phòng phải trả tại ngày 31/12/2021 là dự phòng phải trả chi phí duy tu bảo dưỡng dự kiến sẽ phát sinh từ năm 2023.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**5.14 Vay và nợ thuế tài chính**

	Tại ngày 31/12/2021 (VND)		Trong năm (VND)		Tại ngày 01/01/2021 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn</b>						
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch 2	-	-	7.050.505.254	7.050.505.254	-	-
<b>Vay dài hạn đến hạn trả</b>						
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai	112.377.000.000	112.377.000.000	112.377.000.000	77.368.000.000	77.368.000.000	77.368.000.000
- Hợp đồng tín dụng 1801-LAV-201101490 (i)	112.377.000.000	112.377.000.000	112.377.000.000	77.368.000.000	77.368.000.000	77.368.000.000
- Hợp đồng tín dụng 1801-LAV-201402329 (ii)	35.469.000.000	35.469.000.000	35.469.000.000	70.000.000.000	70.000.000.000	70.000.000.000
- Khế ước vay số 1801-LDS-201700141 (iii)	34.908.000.000	34.908.000.000	34.908.000.000	5.368.000.000	5.368.000.000	5.368.000.000
	42.000.000.000	42.000.000.000	42.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
<b>Vay dài hạn</b>						
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai	763.986.201.706	763.986.201.706	-	112.377.000.000	876.363.201.706	876.363.201.706
- Hợp đồng tín dụng 1801-LAV-201101490 (i)	763.986.201.706	763.986.201.706	-	112.377.000.000	876.363.201.706	876.363.201.706
- Hợp đồng tín dụng 1801-LAV-201402329 (ii)	-	-	-	35.469.000.000	35.469.000.000	35.469.000.000
- Khế ước vay số 1801-LDS-201700141 (iii)	234.450.797.625	234.450.797.625	-	34.908.000.000	269.358.797.625	269.358.797.625
- Khế ước vay số 1801-LAV-201800257 (iv)	441.681.418.758	441.681.418.758	-	42.000.000.000	483.681.418.758	483.681.418.758
<b>Tổng</b>	<b>876.363.201.706</b>	<b>876.363.201.706</b>	<b>119.427.505.254</b>	<b>196.795.505.254</b>	<b>953.731.201.706</b>	<b>953.731.201.706</b>

(i) Vay dài hạn theo Hợp đồng tín dụng số 1801-LAV-201101490 ngày 18/10/2011. Số tiền vay theo hợp đồng 630.469.000.000 đồng. Mục đích vay để đầu tư xây dựng các hạng mục bổ sung thuộc dự án cải tạo nâng cấp Quốc Lộ 1A đoạn An Suông - An Lạc theo phụ lục hợp đồng BOT số 3979/2011/PLHD-B.O.T ngày 01/09/2011 của Hợp đồng điều chỉnh B.O.T số 3599/HĐ/GTVT/KHĐT ngày 27/11/2003. Thời hạn vay là 9,5 năm (thời gian gia hạn gốc 2,5 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên và thời gian trả nợ gốc là 7 năm kể từ ngày kết thúc thời gian gia hạn). Lãi suất cho vay theo công bố của Eximbank. Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền thu phí giao thông trên toàn bộ tuyến Quốc lộ 1 đoạn An Suông - An Lạc (Km 1901-Km 1915) địa phận Tp. Hồ Chí Minh và các quyền, lợi ích khác phát sinh theo Phụ lục Hợp đồng số 3979/2011/PLHD-B.O.T ngày 01/09/2011 của Hợp đồng điều chỉnh B.O.T số 3599/HĐ/GTVT/KHĐT ngày 27/11/2003.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

(ii) Vay dài hạn theo Hợp đồng tín dụng số 1801-LAV-201402329 ngày 23/9/2014. Số tiền vay theo hợp đồng 320.446.000.000 đồng. Mục đích vay để đầu tư bổ sung công trình *xây dựng nút giao thông tại giao lộ Quốc lộ 1/Hương lộ 2 (giai đoạn 3)* thuộc dự án BOT cải tạo nâng cấp Quốc lộ 1, đoạn An Suong - An Lạc. *Thời hạn cho vay là 174 tháng* kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên. Thời gian ân hạn 09 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên. Lãi suất đang áp dụng 11% cho 12 tháng đầu, sau đó lãi suất cho vay bằng lãi tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 13 tháng, trả lãi cuối kỳ do Eximbank công bố có hiệu lực kể từ ngày giải ngân cộng 3,5%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng toàn bộ Quyền thu phí giao thông trên toàn bộ tuyến Quốc lộ 1 đoạn An Suong - An Lạc (Km 1901-Km 1915) địa phận Thành phố Hồ Chí Minh và các quyền, lợi ích khác phát sinh theo Hợp đồng điều chỉnh B.O.T số 3599/HĐ/GTVT/KHĐT ngày 27/11/2003; Phụ lục Hợp đồng số 3979/2011/PLHD-B.O.T ngày 01/09/2011 và Phụ lục Hợp đồng 2 số 23969/PLHD-B.O.T ngày 22/9/2014.

(iii) Vay dài hạn theo Hợp đồng tín dụng số 1801-LAV-201700141 ngày 15/02/2017 tại Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai. Số tiền vay: 509.856.000.000 đồng. Mục đích vay: *“Đề đầu tư cho dự án Đầu tư Công trình Xây dựng bổ sung nút giao khác mức tại giao lộ Quốc lộ 1- đường Lê Trọng Tấn - đường Nguyễn Thị Tú thuộc dự án BOT Cải tạo quốc lộ 1, đoạn An Suong - An Lạc”*. Thời hạn giải ngân: đối đa đến ngày 15/05/2020, thời gian ân hạn 39 tháng kể từ ngày giải ngân, thời hạn cho vay 180 tháng. Lãi suất cho vay từng lần giải ngân 9,1% trong thời gian thi công, sau thời gian thi công lãi suất cho vay bằng lãi suất công bố có hiệu lực tại thời điểm giải ngân + 3,3% /năm. Tài sản đảm bảo: “Toàn bộ quyền thu phí giao thông trên toàn bộ tuyến Quốc lộ 1 đoạn An Suong - An Lạc (Km 1901-1915) địa phận Tp. Hồ Chí Minh và các quyền, lợi ích khác phát sinh khác theo hợp đồng B.O.T.

(iv) Vay dài hạn theo Hợp đồng tín dụng số 1801-LAV-201800257 ngày 14/3/2018 tại Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai. Số tiền vay: 350.460.000.000 đồng. Mục đích vay: *“Đầu tư xây dựng bổ sung cầu mới Tân Kỳ Tân Quý thuộc dự án BOT Cải tạo nâng cấp Quốc lộ 1A đoạn An Suong - An Lạc”*. Thời hạn giải ngân: đối đa đến ngày 15/5/2022, thời gian ân hạn 51 tháng kể từ ngày giải ngân, thời hạn cho vay áp dụng cho từng lần giải ngân bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm VNĐ kỳ hạn 12 tháng, trả lãi cuối kỳ do Eximbank công bố có hiệu lực tại thời điểm giải ngân cộng biên độ 3,5%/ năm. Tài sản đảm bảo: “Toàn bộ quyền thu phí giao thông trên toàn bộ tuyến Quốc lộ 1 đoạn An Suong - An Lạc (Km 1901-1915) địa phận TP Hồ Chí Minh và các quyền, lợi ích khác phát sinh khác theo hợp đồng B.O.T.

**Phân loại trình bày lại số dư đầu năm**

Một số chi tiêu trên Báo cáo tài chính tại ngày 01/01/2021 đã được phân loại cho phù hợp. Chi tiết như sau:

NGUỒN VỐN	Số đã báo cáo		Số trình bày lại	
	VND	VND	VND	VND
<b>A-NỢ PHẢI TRẢ</b>				
Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn (MS320)	953.731.201.706	-	953.731.201.706	77.368.000.000
Vay và nợ và thuế tài chính dài hạn (MS 338)	953.731.201.706	-	876.363.201.706	-



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**5.15 Vốn chủ sở hữu****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu***Đơn vị tính: VND*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại ngày 01/01/2020	249.492.000.000	164.586.458.199	44.944.421.459	459.022.879.658
Tăng trong năm	-	-	60.607.937.822	60.607.937.822
Lãi trong năm trước	-	-	60.607.937.822	60.607.937.822
Giảm trong năm	-	-	66.070.283.219	66.070.283.219
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	11.182.043.219	11.182.043.219
Chia cổ tức năm 2019	-	-	29.939.040.000	29.939.040.000
Tạm ứng cổ tức năm 2020 (i)	-	-	24.949.200.000	24.949.200.000
Số dư tại ngày 31/12/2020	249.492.000.000	164.586.458.199	39.482.076.062	453.560.534.261
Số dư tại ngày 01/01/2021	249.492.000.000	164.586.458.199	39.482.076.062	453.560.534.261
Tăng trong năm	-	-	36.185.815.800	36.185.815.800
Lãi trong năm	-	-	36.185.815.800	36.185.815.800
Giảm trong năm (i)	-	-	27.373.438.135	27.373.438.135
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	2.424.238.135	2.424.238.135
Chia cổ tức năm 2020	-	-	24.949.200.000	24.949.200.000
Số dư tại ngày 31/12/2021	249.492.000.000	164.586.458.199	48.294.453.727	462.372.911.926

(i) Trong năm, Công ty đã thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2020 theo Nghị quyết số 01/NQĐHCD ngày 27/4/2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 như sau:

- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi 3% trên lợi nhuận sau thuế năm 2020 với số tiền là : 1.818.238.135 VND.

- Trích Quỹ thưởng Ban điều hành 1% trên lợi nhuận sau thuế năm 2020 với số tiền là: 606.000.000 VND.

- Chia cổ tức bằng tiền 20% trên vốn điều lệ với số tiền là: 49.898.400.000 VND. Trong đó: đã tạm ứng cổ tức 10% trong năm 2020 với số tiền 24.949.200.000 VND và chia 10% cổ tức còn lại theo Nghị quyết số 12/NQ - HĐQT vào ngày 20/10/2021 với giá trị tương ứng là: 24.949.200.000 VND.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/6/2021

**5.15 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

**b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

Đối tượng	Tại ngày 31/12/2021			Tại ngày 01/01/2021		
	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Giá trị cổ phần	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Giá trị cổ phần
			tính theo mệnh giá (VND)			tính theo mệnh giá (VND)
Tổng Công ty IDICO - CTCP	57,50%	14.345.790	143.457.900.000	47,50%	11.850.870	118.508.700.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị IDICO		-	-	10,00%	2.494.920	24.949.200.000
Vốn góp của đối tượng khác	42,50%	10.603.410	106.034.100.000	42,50%	10.603.410	106.034.100.000
<b>Tổng</b>	<b>100%</b>	<b>24.949.200</b>	<b>249.492.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>24.949.200</b>	<b>249.492.000.000</b>

**c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	249.492.000.000	249.492.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	249.492.000.000	249.492.000.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	<b>27.373.438.135</b>	<b>66.070.283.219</b>
- Quỹ khen thưởng phúc lợi thuộc LNST 2019	-	11.182.043.219
- Chia cổ tức thuộc LNST năm 2019	-	29.939.040.000
- Tạm ứng cổ tức thuộc LNST năm 2020	-	24.949.200.000
- Chia cổ tức thuộc LNST năm 2020	24.949.200.000	-
- Quỹ khen thưởng phúc lợi thuộc LNST 2020	2.424.238.135	-

**d. Cổ phiếu**

	31/12/2021	01/01/2021
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	24.949.200	24.949.200
Cổ phiếu phổ thông	24.949.200	24.949.200
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)	10.000	10.000

**e. Các quỹ của doanh nghiệp**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	164.586.458.199	164.586.458.199
<b>Tổng</b>	<b>164.586.458.199</b>	<b>164.586.458.199</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Doanh thu thu cước đường bộ	308.603.172.723	375.164.040.890
Doanh thu hoạt động xây lắp	25.307.627.270	-
<b>Tổng</b>	<b>333.910.799.993</b>	<b>375.164.040.890</b>

**6.2 Giá vốn hàng bán**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Giá vốn thu cước đường bộ	137.837.854.989	156.416.579.954
Giá vốn hoạt động xây lắp	24.801.474.725	-
<b>Tổng</b>	<b>162.639.329.714</b>	<b>156.416.579.954</b>

**6.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	871.543.571	3.060.874.898
<b>Tổng</b>	<b>871.543.571</b>	<b>3.060.874.898</b>

**6.4 Chi phí tài chính**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi tiền vay	88.526.801.965	102.440.761.745
<b>Tổng</b>	<b>88.526.801.965</b>	<b>102.440.761.745</b>

**6.5 Chi phí bán hàng**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nhân viên	22.871.428.164	26.321.859.776
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	1.013.544.787	1.196.484.550
Chi phí dùng cụ, đồ dùng	438.677.273	534.905.557
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.515.614.265	1.669.188.894
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.026.479.985	5.919.376.440
Chi phí bằng tiền khác	493.570.181	643.890.727
<b>Tổng</b>	<b>31.359.314.655</b>	<b>36.285.705.944</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.957.791.607	3.544.758.454
Chi phí vật liệu quản lý	223.245.624	213.221.130
Chi phí đồ dùng văn phòng	63.330.376	134.392.172
Chi phí khấu hao TSCĐ	449.518.966	510.678.468
Thuế phí và lệ phí	275.795.490	322.238.342
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.480.023.160	1.585.681.483
Chi phí bằng tiền khác	1.851.239.438	2.403.404.409
<b>Tổng</b>	<b>7.300.944.661</b>	<b>8.714.374.458</b>

**6.7 Lợi nhuận khác**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
<b>Thu nhập khác</b>		
Thu thanh lý Tài sản cố định	54.545.455	-
Các khoản khác	69.407.869	217.710.605
<b>Tổng</b>	<b>123.953.324</b>	<b>217.710.605</b>
<b>Chi phí khác</b>		
Các khoản khác	41.997.989	11.348.384
<b>Tổng</b>	<b>41.997.989</b>	<b>11.348.384</b>
<b>Lợi nhuận khác thuần</b>	<b>81.955.335</b>	<b>206.362.221</b>

**6.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
<b>1. Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>45.037.907.904</b>	<b>74.573.855.908</b>
<b>Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế:</b>	<b>649.000.001</b>	<b>773.000.000</b>
Chi phí không được trừ	649.000.001	773.000.000
<b>Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế:</b>	<b>1.901.929.843</b>	<b>7.356.353.976</b>
Hoàn nhập chi phí duy tu sửa chữa (b)	1.901.929.843	7.356.353.976
<b>2. Thu nhập tính thuế</b>	<b>43.784.978.062</b>	<b>67.990.501.932</b>
<b>2.1 Thu nhập từ hoạt động khác</b>	<b>506.152.545</b>	<b>-</b>
- Thuế suất	20%	20%
- Thuế TNDN phải nộp	101.230.509	-
<b>2.2 Thu nhập hoạt động thu phí</b>	<b>43.278.825.517</b>	<b>67.990.501.932</b>
- Thuế suất	20%	20%
- Thuế TNDN phải nộp	8.655.765.103	13.598.100.387
<b>3. Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>8.756.995.612</b>	<b>13.598.100.387</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**6.9 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chênh lệch tạm thời chịu thuế - Hoàn nhập dự phòng chi phí duy tu sửa chữa	1.901.929.843	7.356.353.976
Thuế suất	5%	5%
<b>Chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>95.096.492</b>	<b>367.817.699</b>

**6.10 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	36.185.815.800	60.607.937.822
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (i)	-	(2.424.238.135)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	36.185.815.800	58.183.699.687
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân (cổ phiếu)	24.949.200	24.949.200
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP) (ii)</b>	<b>1.450</b>	<b>2.332</b>

(i) Tại ngày lập Báo cáo tài chính này, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho năm kết thúc ngày 31/12/2021 có thể được phân bổ cho Quý khen thưởng, phúc lợi, Quỹ thưởng Ban Điều hành. Nếu loại trừ số trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, Quỹ thưởng Ban Điều hành cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021, lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sẽ giảm và lãi cơ bản trên cổ phiếu cũng giảm tương ứng.

(ii) Công ty xác định lại số trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng Ban Quản lý điều hành cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 theo tỷ lệ phân phối lợi nhuận năm 2020 của Công ty đã được phê duyệt tại Nghị quyết số 01/NQĐHCD ngày 27/4/2021 của Đại hội đồng Cổ đông trong năm 2021. Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 được trình bày lại như sau:

	Năm 2020 Số đã báo cáo VND	Năm 2020 Số trình bày lại VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60.607.937.822	60.607.937.822
Số trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(2.424.238.135)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	60.607.937.822	58.183.699.687
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	24.949.200	24.949.200
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)</b>	<b>2.429</b>	<b>2.332</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**6.11 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	31.790.923.362	19.754.312.664
Chi phí nhân công	40.460.342.433	41.756.428.978
Chi phí khấu hao tài sản cố định	67.644.928.408	82.031.643.235
Chi phí dịch vụ mua ngoài	54.220.748.301	55.025.675.036
Chi phí khác bằng tiền	12.175.968.106	2.848.600.443
<b>Tổng</b>	<b>206.292.910.610</b>	<b>201.416.660.356</b>

**7 THÔNG TIN KHÁC**

**7.1 Danh sách các bên liên quan**

Stt	Bên liên quan	Mối quan hệ	Tên viết tắt
1	Tổng công ty IDICO - CTCP	Công ty mẹ	IDICO
2	Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và phát triển vật liệu IDICO	Đơn vị cùng IDICO	IDICO - MCI
3	Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển nhà và đô thị IDICO	Đơn vị cùng IDICO	IDICO - UDICO
4	Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Long An IDICO	Đơn vị cùng IDICO	IDICO - LINCO
5	Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng dầu khí IDICO	Đơn vị cùng IDICO	IDICO - CONAC
6	Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng số 10 IDICO	Đơn vị cùng IDICO	IDICO - INCO 10
7	Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư IDICO	Đơn vị cùng IDICO	IDICO - INCON
8	Công ty TNHH MTV Phát triển đô thị và KCN IDICO	Đơn vị cùng IDICO	IDICO - URBIZ
9	Công ty Cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO	Đơn vị cùng IDICO	IDICO - SHP
10	Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển hạ tầng IDICO	Đơn vị cùng IDICO	IDICO - IDI
11	Công ty TNHH MTV Xây dựng IDICO	Đơn vị cùng IDICO	IDICO - ICC
12	Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Quê Võ IDICO	Đơn vị cùng IDICO	IDICO - QUE VO
13	Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng Thái Bình IDICO	Đơn vị cùng IDICO	IDICO - TCC
14	Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng lắp máy IDICO	Đơn vị cùng IDICO	LAMA IDICO
15	Chi nhánh TCT IDICO - CTCP tại Miền Đông	Chi nhánh thuộc IDICO	IDICO - IEB
16	Ông Nguyễn Hồng Hải	Chủ tịch HĐQT	
17	Ông Nguyễn Hồng Ninh	Nguyên thành viên HĐQT	
18	Lê Quốc Đạt	Thành viên HĐQT	
19	Ông Khương Quốc Bình	Thành viên HĐQT	
20	Bà Trần Thúy Hương	Nguyên thành viên HĐQT	
21	Ông Nguyễn Anh Dũng	Thành viên HĐQT	
22	Ông Trần Quốc Toàn	Thành viên ĐL HĐQT	
23	Ông Nguyễn Vũ Minh Hồng	Nguyên thành viên ĐL HĐQT	
24	Ông Nguyễn Văn Thọ	Trưởng BKS	
25	Ông Nguyễn Đăng Thanh	Thành viên BKS	
26	Bà Nguyễn Thị Minh Phương	Thành viên BKS	
27	Ông Lương Ninh Bình	Nguyên Thành viên BKS	
28	Ông Nguyễn Hồng Ninh	Nguyên Giám đốc	
29	Ông Lê Quốc Đạt	Giám đốc	
30	Ông Bùi Văn Dân	Phó Giám đốc	
31	Ông Khương Quốc Bình	Phó Giám đốc	
32	Ông Đoàn Văn Hùng	Phó Giám đốc	
33	Ông Nguyễn Văn Thọ	Nguyên Kế toán trưởng	
34	Ông Nguyễn Trường Vũ	Kế toán trưởng	

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**7.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

**a) Thù lao Hội đồng Quản trị**

Họ và tên	Chức danh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Ông Nguyễn Hồng Hải	Chủ tịch HĐQT	110.000.000	115.000.000
Lê Quốc Đạt	Thành viên HĐQT	84.666.667	-
Ông Khương Quốc Bình	Thành viên HĐQT	84.666.667	-
Bà Trần Thủy Hương	Nguyên thành viên HĐQT	43.000.000	102.000.000
Ông Nguyễn Anh Dũng	Thành viên HĐQT	84.666.667	102.000.000
Ông Trần Quốc Toàn	Thành viên ĐL HĐQT	41.666.667	-
Ông Nguyễn Vũ Minh Hồng	Nguyên thành viên ĐL HĐQT	43.000.000	28.000.000
<b>Tổng</b>		<b>491.666.668</b>	<b>347.000.000</b>

**b) Thù lao Ban Kiểm soát**

Họ và tên	Chức danh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Ông Nguyễn Văn Thọ	Trưởng BKS	636.431.054	432.570.523
Ông Nguyễn Đăng Thanh	Thành viên BKS	56.000.000	83.000.000
Bà Nguyễn Thị Minh Phương	Thành viên BKS	56.000.000	51.000.000
Ông Lương Ninh Bình	Nguyên Thành viên BKS	-	37.000.000
<b>Tổng</b>		<b>748.431.054</b>	<b>603.570.523</b>

**c) Thu nhập Ban Giám đốc và quản lý khác**

Họ và tên	Chức danh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Ông Nguyễn Hồng Ninh	Nguyên Giám đốc	-	438.158.585
Ông Lê Quốc Đạt	Giám đốc	784.209.173	570.460.846
Ông Bùi Văn Dân	Phó Giám đốc	646.110.184	499.322.366
Ông Khương Quốc Bình	Phó Giám đốc	630.650.073	581.009.812
Ông Đoàn Văn Hùng	Phó Giám đốc	638.667.309	201.674.060
Ông Nguyễn Trường Vũ	Kế toán trưởng	599.087.824	302.541.474
<b>Tổng</b>		<b>3.298.724.563</b>	<b>2.593.167.143</b>

**d) Giao dịch với các bên liên quan**

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
<b>Giao dịch mua</b>		-	201.570.204
IDICO - INCON	Giám sát thi công	-	201.570.204
IDICO - URBIZ		-	-
<b>Cổ tức đã chia</b>		<b>26.196.660.000</b>	<b>31.560.738.000</b>
IDICO	Cổ tức đã chia	26.196.660.000	26.071.914.000
IDICO - UDICO	Cổ tức đã chia	-	5.488.824.000



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**7.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)**

**e) Số dư phải trả các bên liên quan**

Bên liên quan	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Phải trả cho người bán IDICO - INCON	167.545.427 167.545.427	167.545.427 167.545.427
Phải trả ngắn hạn khác IDICO	- -	8.732.220.000 8.732.220.000

**7.3. Các cam kết**

Tại ngày 31/12/2021, Công ty có khoản cam kết đầu tư vào dự án công trình xây dựng bổ sung cầu mới Tân Kỳ Tân Quý thuộc dự án BOT Cải tạo nâng cấp Quốc lộ 1 đoạn An Sương An Lạc theo phụ lục hợp đồng BOT số 1279/2018/PLHĐ-BOT ngày 11/01/2018. Tổng mức đầu tư của dự án là: 312.702.000.000 VND, giá trị đã thực hiện của dự án là: 148.717.804.267 VND.

**7.4. Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 3 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Thị Loan

Nguyễn Trường Vũ

Lê Quốc Đạt